

Số: 14 . 21 CV/VID-BTGD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2021

v/v Công bố BCTC bán niên 2021

Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
2. Mã chứng khoán: VID
3. Địa chỉ trụ sở chính: 806 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
4. Điện thoại: 028.38428633 Fax: 028.38425880
5. E-mail: info@dautuviendong.vn Website: <https://dautuviendong.vn>
6. Loại thông tin công bố: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông ;
- Căn cứ quy định hiện hành về công bố thông tin của SSC và HOSE;

Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (VIDON CORP.) xin công bố :

Báo cáo tài chính công ty mẹ bán niên 2021 đã được soát xét

Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên 2021 đã được soát xét

- Xin xem toàn văn (các) báo cáo đính kèm
- CBTT này được đăng tải trên website công ty: www.dautuviendong.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên
- Ban QHCD&TT (CBTT)
- Lưu VP, TCKT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Quang Minh

Số 12.21 CV/VID-BTGD

TP.Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2021

v/v Giải trình vấn đề liên quan BCTC-BNSX 2021

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
- Mã chứng khoán: VID
- Địa chỉ trụ sở chính: 806 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028.38428633 Fax: 028.38425880
- E-mail: info@dautuviendong.vn Website: <https://dautuviendong.vn>
- Loại thông tin công bố: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung giải trình:

Biến động kết quả kinh doanh tại Báo cáo tài chính bán niên soát xét 2021

Phần giải trình của Công ty:

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính v/v Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (Vidon Corp.) xin được giải trình một số vấn đề liên quan tại (các) Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 đã được soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh so với Báo cáo tài chính quý 2/2021 số lũy kế và so với Báo cáo tài chính cùng kỳ năm trước liền kề cụ thể như sau :

I. Chênh lệch so với báo cáo trước soát xét của kiểm toán :

1. Tại báo cáo tài chính công ty mẹ:

Chỉ tiêu (đồng)	Trước soát xét	Sau soát xét	Chênh lệch
1	2	3	(4)=(3)-(2)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	735.249.925	-3.643.863.499	-4.379.113.424

Nguyên nhân chủ yếu:

Chênh lệch số liệu trước và sau soát xét nguyên nhân tại thời điểm báo cáo tài chính bán niên 2021 sau soát xét . Công ty kiểm toán điều chỉnh số tiền phạt vi phạm hành chính về thuế theo quyết định số : 994/QĐ-CT ngày 19/04/2021 của Cục Thuế TPHCM với số tiền : 4.217.244.488 đồng vào chi phí khác cho hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2021. Chính nguyên nhân trên dẫn đến Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2021 của Công ty mẹ bị lỗ.



II. Chênh lệch so với báo cáo trước cùng kỳ :

2.1/. Tại báo cáo tài chính công ty mẹ :

Chỉ tiêu (đồng)	6 tháng 2020	6 tháng 2021	So sánh (%)
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	6.911.275.089	-3.643.863.499	

Nguyên nhân chủ yếu :

Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2021 lỗ so với cùng kỳ nguyên nhân trong 6 tháng đầu năm 2021 Công ty không có khoản hoàn nhập dự phòng tài chính từ Công ty con và các Công ty liên doanh liên kết (tương đương với số tiền khoảng 10 tỷ cho 6 tháng đầu năm 2020).

2.2/. Tại báo cáo tài chính hợp nhất :

Chỉ tiêu (đồng)	6 tháng 2020	6 tháng 2021	So sánh (%)
(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(2)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.500.407.591	32.140.005.008	338%

Nguyên nhân chủ yếu :

Lợi nhuận sau thuế TNDN 6 tháng đầu năm 2021 tăng so với cùng kỳ nguyên do Công ty con vẫn duy trì được các đối tác , nhà cung cấp giấy với chính sách giá bán tốt dẫn đến giá đầu vào giảm , tăng tỷ suất lợi nhuận cao . Cộng với việc Công ty đã ghi nhận thêm phần lãi trong Công ty liên doanh liên kết với số tiền tương đương 3tỷ4.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng,

Nơi nhận:

- Như trên
- Ban QHCD&TT (CBTT)
- Lưu VP, TCKT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Quang Minh



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021
và kết thúc vào ngày 30/06/2021



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 6
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ	7 - 8
3. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	9 - 12
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	13
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	14 - 15
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	16 – 50

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (dưới đây gọi tắt là "Công ty mẹ") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (Công ty mẹ) và Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực (Công ty con) (dưới đây gọi tắt là "Nhóm Công ty") đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0300377536 đăng ký lần đầu ngày 24/10/2000, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 15) vào ngày 19/10/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Mã số thuế: 0300377536

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 308.800.700.000 đồng.

Mã chứng khoán: VID

Hoạt động của Công ty là:

- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bì chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất giấy vệ sinh, băng vệ sinh, khăn giấy; Các sản phẩm khác từ giấy; Gia công, sản xuất bao bì giấy; Gia công: giấy vệ sinh, khăn giấy (trừ sản xuất bột giấy, tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: sửa chữa thiết bị sản xuất giấy (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế thiết bị sản xuất giấy;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế tạo, gia công thiết bị sản xuất giấy; Vật tư, thiết bị ngành giấy; Gia công, sản xuất bao bì nhôm, nhựa (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sản xuất giấy (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở;
- Giáo dục trung học phổ thông;
- Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo đại học (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh giấy vệ sinh, băng vệ sinh, khăn giấy; Các sản phẩm khác từ giấy; Vật tư, thiết bị ngành giấy; Xuất nhập khẩu : các loại giấy, vật tư, thiết bị ngành giấy. Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với pháp luật quy định. Mua bán vật tư ngành in, nguyên liệu ngành sản xuất thuốc lá, giấy, đầu lọc, màng nhôm, màng nhựa. Mua bán sản phẩm bao bì, nhãn mác, hộp, vật tư, thiết bị ngành in;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh);
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

- Hoạt động của các cơ sở thể thao. Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở tổ chức các sự kiện thể thao trong nhà hoặc ngoài trời (sân vận động bóng đá) (trừ hoạt động của các sân nhảy);
- Dịch vụ ăn uống khác. Chi tiết: hoạt động cung cấp dịch vụ ăn uống cho các sự kiện trong một khoảng thời gian cụ thể; Đồ ăn thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng; cung cấp suất ăn theo hợp đồng; hoạt động của các căng tin và nhà hàng tự phục vụ trên cơ sở nhượng quyền (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống. Chi tiết: hoạt động chế biến và phục vụ đồ uống cho khách hàng tiêu dùng tại chỗ, quán giải khát, hàng bia, quán cà phê, nước hoa quả, giải khát, dịch vụ đồ uống khác như: nước mía, nước sinh tố, quán chè, xe bán rong đồ uống (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
- Đào tạo trung cấp. Chi tiết: Đào tạo nghề; Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở); Dạy nghề;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Mua bán hàng nông sản, sản phẩm chế biến từ nông sản (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân Tp. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh nhà. Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Môi giới bất động sản;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn tự động phục vụ, quán ăn nhanh có phục vụ đồ ăn mang về, xe bán hàng ăn lưu động (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: khu vui chơi giải trí (không hoạt động tại trụ sở);
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa;
- Giáo dục văn hoá nghệ thuật (trừ hoạt động sân khấu);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (có nội dung được phép lưu hành);
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ sản xuất giấy;
- Đào tạo thạc sỹ (không hoạt động tại trụ sở);
- Đào tạo tiến sỹ (không hoạt động tại trụ sở);
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng. Chi tiết: Hoạt động cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng nhân các sự kiện như phục vụ tiệc, hội nghị, tiệc gia đình, đám cưới hoặc hợp đồng dịch vụ ăn uống, phục vụ ăn uống cho các sự kiện thể thao, hội nghị hoặc tương tự, cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng tại địa điểm mà khách hàng yêu cầu nhân các công việc của họ như tiệc hội nghị cơ quan, doanh nghiệp, đám cưới, các công việc gia đình khác.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Bùi Quang Mẫn	Chủ tịch – người đại diện theo pháp luật
- Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Chủ tịch
- Ông Trần Hoàng Nghĩa	Thành viên
- Ông Bùi Quang Khoa	Thành viên
- Bà Phạm Thị Như Ngọc	Thành viên độc lập
- Bà Trần Thị Thủy Tiên	Thành viên độc lập [Miễn nhiệm ngày 23/04/2021]

Các thành viên của Ban Kiểm soát của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Lê Thị Minh Giang	Trưởng ban
- Bà Trần Thị Thanh thủy	Thành viên
- Bà Bùi Thị Ngọc Yến	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc Công ty và Kế toán trưởng Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này là:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Bùi Quang Minh	Tổng Giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Bùi Quang Khoa	Phó Tổng Giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên	Kế toán trưởng

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Chi tiết tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30/06/2021 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 của Nhóm Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 01.21 NQ/VID -ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021 về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03.21 QĐ/VID-HDQT ngày 26/05/2021 về thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020. Cụ thể số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành là 4.632.010 cổ phiếu tương ứng 46.320.100.000 đồng. Thời hạn triển khai phát hành cổ phiếu dự kiến trong quý 3 năm 2021 sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Ngoài các sự kiện nêu trên Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng, không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 đã được soát xét của Nhóm Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 của Nhóm Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30/06/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 của Nhóm Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 của Nhóm Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 30/06/2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 và được lập phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 của Nhóm Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2021

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2021

THAY MẶT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


Bùi Quang Minh
Tổng Giám đốc




Bùi Quang Mẫn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Số: 04/2021/BCSX-PKF.HCMC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông và Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực (dưới đây gọi tắt là "Nhóm Công ty"), bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30/06/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 được trình bày từ trang 09 đến trang 50 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 30/06/2021, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam.



Trương Quang Trung

Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1752-2018-242-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		584.003.279.004	428.539.648.492
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	63.741.161.966	50.979.960.339
Tiền	111		63.741.161.966	50.979.960.339
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2a	68.298.807.671	65.798.807.671
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		68.298.807.671	65.798.807.671
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		229.193.340.427	223.627.833.952
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	211.295.711.006	221.570.177.487
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	40.897.425.627	38.801.530.086
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5a	13.674.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	14.707.384.862	14.637.307.447
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.7	(51.381.181.068)	(51.381.181.068)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		209.770.372.303	83.085.932.644
Hàng tồn kho	141	5.8	214.161.692.465	87.477.252.806
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(4.391.320.162)	(4.391.320.162)
Tài sản ngắn hạn khác	150		12.999.596.637	5.047.113.886
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9a	36.740.157	92.443.508
Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.962.856.480	4.954.670.378
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		525.830.947.500	519.753.230.437
Các khoản phải thu dài hạn	210		105.250.000.000	97.740.000.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5b	105.250.000.000	97.740.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
Tài sản cố định	220		75.550.564.748	79.555.935.874
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	51.390.952.873	55.281.895.317
- Nguyên giá	222		104.201.282.759	104.460.042.375
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(52.810.329.886)	(49.178.147.058)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.11	24.159.611.875	24.274.040.557
- Nguyên giá	228		26.930.027.271	26.930.027.271
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.770.415.396)	(2.655.986.714)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		664.971.047	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí XD/CB dở dang	242		664.971.047	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2b	338.179.665.235	334.736.466.515
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		196.908.225.235	193.465.026.515
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		141.608.940.000	141.608.940.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254		(337.500.000)	(337.500.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		6.185.746.470	7.720.828.048
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9b	1.290.335.767	2.380.380.008
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269	5.12	4.895.410.703	5.340.448.040
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.109.834.226.504	948.292.878.929

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
NỢ PHẢI TRẢ	300		571.914.712.791	430.349.353.606
Nợ ngắn hạn	310		552.914.712.791	421.934.353.606
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	277.723.112.921	111.993.159.153
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	60.807.350.666	11.466.048.068
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	10.202.385.324	9.943.536.765
Phải trả người lao động	314		2.201.250.077	1.731.658.846
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	5.223.316.418	3.081.160.015
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17a	193.948.453.962	280.695.397.336
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.18	2.808.843.423	3.023.393.423
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		19.000.000.000	8.415.000.000
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17b	19.000.000.000	8.415.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		537.919.513.713	517.943.525.323
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	537.919.513.713	517.943.525.323
Vốn góp của chủ sở hữu	411		308.800.700.000	308.800.700.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		308.800.700.000	308.800.700.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.254.265.000	3.254.265.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.967.606.986	2.967.606.986
Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		8.425.799.489	15.324.659.007
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		105.844.658	105.844.658
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		99.147.893.002	85.749.955.741
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		85.749.955.741	35.186.063.176
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13.397.937.261	50.563.892.565
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		115.217.404.578	101.740.493.931
Nguồn kinh phí	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.109.834.226.504	948.292.878.929

Ngày 12 tháng 08 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Thị Thùy Tiên

Nguyễn Thị Thùy Tiên

Bùi Quang Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	491.220.049.989	469.513.047.321
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	491.220.049.989	469.513.047.321
Giá vốn hàng bán	11	6.2	422.823.972.310	436.096.650.027
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		68.396.077.679	33.416.397.294
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	3.696.443.115	8.093.437.254
Chi phí tài chính	22	6.4	6.312.037.727	1.696.788.585
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.258.662.741	9.164.462.175
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		3.443.198.720	(2.330.261.875)
Chi phí bán hàng	25	6.5	6.426.876.358	4.718.090.548
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	17.997.253.497	19.990.108.460
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		44.799.551.932	12.774.585.080
Thu nhập khác	31	6.7	1.363.417.940	20.450.384
Chi phí khác	32	6.8	4.454.827.358	307.711.324
Lợi nhuận khác	40		(3.091.409.418)	(287.260.940)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		41.708.142.514	12.487.324.140
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.10	9.568.137.506	2.986.916.549
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		32.140.005.008	9.500.407.591
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</i>	<i>61</i>		<i>13.397.937.261</i>	<i>4.770.467.781</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</i>	<i>62</i>		<i>18.742.067.747</i>	<i>4.729.939.810</i>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	434	170

Ngày 12 tháng 08 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






Nguyễn Thị Thùy Tiên

Nguyễn Thị Thùy Tiên

Bùi Quang Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	41.708.142.514	12.487.324.140
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	4.005.371.126	4.026.579.317
- Các khoản dự phòng	03	-	(4.960.013.405)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	612.493.048
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.814.624.933)	(8.093.435.721)
- Chi phí lãi vay	06	6.258.662.741	9.164.462.175
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	48.157.551.448	13.237.409.554
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(14.279.608.742)	10.344.035.812
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(126.684.439.659)	(50.055.135.228)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	208.060.264.201	78.461.804.673
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.590.784.929	1.780.151.168
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(8.380.015.446)	(13.463.432.485)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.116.709.860)	(5.955.806.722)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(214.550.000)	(30.135.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	95.133.276.871	34.318.891.773
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(720.672.968)	(1.467.562.170)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn	22	118.181.818	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(19.500.000.000)	(73.325.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.490.000.000	19.326.275.920
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	8.175.000.000	26.804.459.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.227.359.280	10.462.455.132
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.210.131.870)	(18.199.372.118)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp) (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	249.829.730.478	311.095.992.325
Tiền trả nợ gốc vay	34	(325.991.673.852)	(322.788.450.427)
Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(76.161.943.374)	(11.692.458.102)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM			
Tiền và tương đương tiền đầu năm	50	12.761.201.627	4.427.061.553
Tiền và tương đương tiền cuối năm	60	50.979.960.339	33.755.837.853
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	63.741.161.966	38.182.899.406

Ngày 12 tháng 08 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Thủy Tiên

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thủy Tiên

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Quang Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông được thành lập theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0300377536 đăng ký lần đầu ngày 24/10/2000, và các đăng ký thay đổi sau đó với lần gần đây nhất (lần thứ 15) vào ngày 19/10/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Mã số thuế: 0300377536

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 308.800.700.000 đồng.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 32 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có Văn phòng chính đặt tại 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số các công ty con: 01 (một) công ty

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01 (một) công ty

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0 (không)

Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ Phần Giấy Toàn Lực	Lô A2-8 Đường N5, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh	51,03%	51,03%

Danh sách các công ty liên kết được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	Lầu 2, số 84, KP4, đường 30/4, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	102A Phó Cơ Điều, phường 4, quận 11, Tp Hồ Chí Minh	44,74%	44,74%
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	29 Phan Đình Phùng, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	41,48%	41,48%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	252 Lạc Long Quân, phường 10, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh	28,33%	28,33%
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	Thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng	27,04%	27,04%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty mẹ và Công ty con áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông ("Công ty mẹ") và Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực ("Công ty con") (dưới đây gọi tắt là "Nhóm Công ty"). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ tài chính được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của Công ty con khác với chính sách kế toán được áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của Công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa các Công ty trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của Công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Nhóm Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.3. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 của Nhóm Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

4.5. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

4.6. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Nhóm Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư 48/2019/TT-BTC ban hành ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

4.8. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Nhóm Công ty như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc, thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty như sau:

- Phần mềm máy vi tính khấu hao trong 03 năm;
- Quyền sử dụng đất có thời gian khấu hao trong 39 năm;
- Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không khấu hao.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

4.9. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty/Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh, liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên doanh, liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên doanh, liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên doanh, liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

công ty liên doanh, liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên doanh, liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất..

Đầu tư vào công ty khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

4.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.11. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả cho nhà cung cấp của Nhóm Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.;

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm các chi phí liên quan đến giá vốn cung cấp dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

4.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Nhóm Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.16. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

4.17. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với các dịch vụ của Nhóm Công ty là 5% và 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Nhóm Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

4.19. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.20. Lãi cơ bản/Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền

	30/06/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
- Tiền mặt	126.157.049	216.111.202
- Tiền gửi ngân hàng	63.615.004.917	50.763.849.137
Cộng	63.741.161.966	50.979.960.339

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	30/06/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây Sài Gòn ⁽¹⁾	67.498.807.671	67.498.807.671	64.998.807.671	64.998.807.671
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Quận 5 ⁽²⁾	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000
Cộng	68.298.807.671	68.298.807.671	65.798.807.671	65.798.807.671

⁽¹⁾ Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây Sài Gòn, kỳ hạn 12 tháng trở xuống, lãi suất từ 4,9%/năm đến 6,8%/năm.

⁽²⁾ Là khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hưng Đạo, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,0%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

b. Đầu tư tài chính dài hạn
Đầu tư vào công ty liên kết liên doanh

	30/06/2021			01/01/2021		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp VCSH (VND)	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp VCSH (VND)
- Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt	45,00%	45,00%	45.000.000.000	45,00%	45,00%	45.000.000.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	44,74%	44,74%	81.613.733.180	44,74%	44,74%	78.170.534.460
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	41,48%	41,48%	26.056.782.012	41,48%	41,48%	26.056.782.012
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	38,70%	38,70%	37.956.994.255	38,70%	38,70%	37.956.994.255
- Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	27,04%	27,04%	6.280.715.788	27,04%	27,04%	6.280.715.788
Cộng			196.908.225.235			193.465.026.515

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

Đầu tư vào công ty khác

	30/06/2021 (VND)			01/01/2021 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Công ty Cổ phần Tac Paritas	80.000.000.000	-	(*)	80.000.000.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Văn hoá Giáo dục Việt Mỹ	60.855.440.000	-	(*)	60.855.440.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An	416.000.000	-	(*)	416.000.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt	337.500.000	337.500.000	(*)	337.500.000	337.500.000	(*)
Cộng	141.608.940.000	337.500.000	(*)	141.608.940.000	337.500.000	(*)

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính của các Công ty trên và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Các khách hàng là bên liên quan	29.468.445.806	31.933.161.220
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	29.468.445.806	29.468.445.806
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	-	2.464.715.414
Các khách hàng là bên thứ ba	181.827.265.200	189.637.016.267
- Công ty TNHH MTV In Báo Nhân Dân TP.HCM	40.788.778.396	30.634.389.301
- Công ty Cổ Phần In Số 7	11.165.911.068	20.237.357.773
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Sao Mai Vĩ Na	9.699.145.003	9.699.145.003
- Công Ty Cổ phần Hóa chất & Xơ sợi Maruni	8.711.345.280	-
- Công ty Cổ phần Thương mại In Nhật Nam	7.904.210.720	3.631.626.967
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Văn Hóa Hương Trang	6.817.741.395	13.991.222.701
- Công ty Cổ phần In Trần Phú	6.663.965.517	1.856.282.841
- Công ty TNHH Văn hóa In Sản xuất Thương mại Dịch vụ Liên Tường	6.226.029.572	2.726.039.332
- Công ty TNHH MTV Văn hóa Đại Việt Á	5.399.295.100	11.337.139.298
- Các khách hàng khác	78.450.843.149	95.523.813.051
Cộng	211.295.711.006	221.570.177.487

5.4 Trả trước cho người bán

	30/06/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Các nhà cung cấp là bên liên quan	6.527.395.948	6.527.395.957
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	6.527.395.948	6.527.395.957
Các nhà cung cấp là bên thứ ba	34.370.029.679	32.274.134.129
- Công ty Cổ phần Tac Paritas	31.498.688.477	29.045.223.303
- Các nhà cung cấp khác	2.871.341.202	3.228.910.826
Cộng	40.897.425.627	38.801.530.086

5.5 Phải thu về cho vay

a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/06/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
- Nguyễn Thị Ngọc Liên ⁽ⁱ⁾	7.000.000.000	-
- Vũ Đình Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	6.674.000.000	-
Cộng	13.674.000.000	-

⁽ⁱ⁾ Là các khoản cho bà Nguyễn Thị Ngọc Liên vay theo hợp đồng vay số 02/04/HĐVV/2021/GIẤYTL ngày 02/04/2021, thời hạn 12 tháng, lãi suất 7%/năm, giá trị hợp đồng 7.000.000.000 đồng.

⁽ⁱⁱ⁾ Là các khoản cho ông Vũ Đình Hòa vay theo hợp đồng vay số 10/03/HĐVV/2021/GIẤYTL ngày 10/03/2021, thời hạn 09 tháng, lãi suất 7%/năm, giá trị hợp đồng 8.000.000.000 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

b. Phải thu về cho vay dài hạn

	30/06/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
- Công ty Cổ phần Tac Paritas	48.250.000.000	50.740.000.000
- Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội	57.000.000.000	47.000.000.000
Cộng	105.250.000.000	97.740.000.000

(i) *Chi tiết các khoản phải thu cho vay dài hạn như sau:*

Khách hàng	Số hợp đồng	Kỳ hạn	Lãi suất	Giá trị
Công ty Cổ phần Tac Paritas	Hợp đồng 01/HĐVV/2017/VĐ-PA ngày 01/02/2017 và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay vốn số 01 ngày 30/01/2018 và phụ lục 02 ngày 30/12/2020	Từ ngày 01/02/2017 đến ngày 31/12/2022	7%/năm	48.250.000.000
Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội	Hợp đồng 001/04/2019 GTL – KH ngày 22/04/2019	36 tháng	7%/năm	9.500.000.000
	Hợp đồng 001/05/2019 GTL – KH ngày 09/05/2019	36 tháng	7%/năm	5.000.000.000
	Hợp đồng 01/04/HĐVV/2020/ GIẤY-KHÁNH HỘI ngày 01/04/2020	24 tháng	7%/năm	4.230.000.000
	Hợp đồng 12/12/HĐVV/2020/Giấy-Khánh Hội ngày 12/12/2020	24 tháng	7%/năm	3.470.000.000
	Hợp đồng 19/12/HĐVV/2020/GIẤY-KHÁNH HỘI ngày 19/12/2020	24 tháng	7%/năm	24.800.000.000
	Hợp đồng 07/06/HĐVV/2021/GIẤY-KHÁNH HỘI ngày 07/06/2021	24 tháng	7%/năm	10.000.000.000
				105.250.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5.6 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	121.908.000	-	140.324.000	-
Ký cược, ký quỹ	200.000.000	-	210.000.000	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	3.507.887	-	3.935.409	-
Phải thu khác	14.381.968.975	130.000.000	14.283.048.038	130.000.000
Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan	6.924.148.800	-	1.624.148.800	-
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	5.300.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt	1.624.148.800	-	1.624.148.800	-
Phải thu ngắn hạn khác các bên thứ ba	7.457.820.175	130.000.000	12.658.899.238	130.000.000
- Bà Bùi Thị Toan - Phải thu tiền cho mượn	2.500.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần in và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội	1.669.835.616	-	726.310.411	-
- Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An	670.000.000	-	665.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tac Paritas	856.560.274	-	895.248.217	-
- Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây	1.490.862.685	-	1.901.761.315	-
- Các đối tượng khác	270.561.600	130.000.000	8.470.579.295	130.000.000
Cộng	14.707.384.862	130.000.000	14.637.307.447	130.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5.7 Nợ xấu

	30/06/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	65.073.553.642	13.692.372.574	65.073.553.638	13.692.372.570
- Từ 03 năm trở lên	41.692.342.710	-	41.692.342.710	-
- Từ 02 đến dưới 03 năm	3.478.634.191	958.481.813	3.478.634.187	958.481.811
- Từ 01 đến dưới 02 năm	6.293.523.517	3.207.553.505	6.293.523.517	3.207.553.502
- Dưới 01 năm	13.609.053.224	9.526.337.256	13.609.053.224	9.526.337.257

Tình hình biến động các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)
01/01/2021	51.381.181.068
Trích lập dự phòng trong kỳ	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-
30/06/2021	51.381.181.068

5.8 Hàng tồn kho

	30/06/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	4.471.535.203	327.000.000	3.810.205.604	327.000.000
Hàng hóa	209.690.157.262	4.064.320.162	83.667.047.202	4.064.320.162
Cộng	214.161.692.465	4.391.320.162	87.477.252.806	4.391.320.162

(*) **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm nay được tính như sau:**

	Giá gốc hàng chậm luân chuyển	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
Thành phẩm	327.000.000	327.000.000
Hàng hóa	4.064.320.162	4.064.320.162
Cộng	4.391.320.162	4.391.320.162

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5.9 Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/06/2021	01/01/2021
	(VND)	(VND)
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	5.573.489	46.784.303
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.166.668	45.659.205
Cộng	36.740.157	92.443.508

b. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2021	01/01/2021
	(VND)	(VND)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	128.749.761	256.529.756
- Chi phí sửa chữa	470.804.936	605.320.634
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	690.781.070	1.518.529.618
Cộng	1.290.335.767	2.380.380.008

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Địa chỉ: 806 Âu Cơ, phường 14, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải (VND)	Thiết bị dụng cụ quản lý (VND)	Cộng (VND)
Nguyên giá					
01/01/2021	83.711.450.028	9.968.551.643	8.252.007.397	2.528.033.307	104.460.042.375
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(258.759.616)	-	(258.759.616)
30/06/2021	83.711.450.028	9.968.551.643	7.993.247.781	2.528.033.307	104.201.282.759
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	12.363.840.089	5.074.124.112	2.869.327.417	1.758.302.143	22.065.593.761
Giá trị hao mòn					
01/01/2021	32.284.899.377	8.692.733.044	6.097.249.822	2.103.264.815	49.178.147.058
Khấu hao trong kỳ	3.191.853.438	303.672.402	310.839.732	84.576.872	3.890.942.444
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(258.759.616)	-	(258.759.616)
30/06/2021	35.476.752.815	8.996.405.446	6.149.329.938	2.187.841.687	52.810.329.886
Giá trị còn lại					
01/01/2021	51.426.550.651	1.275.818.599	2.154.757.575	424.768.492	55.281.895.317
30/06/2021	48.234.697.213	972.146.197	1.843.917.843	340.191.620	51.390.952.873

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất lâu dài (*)</u>	<u>Quyền sử dụng đất có thời hạn (*)</u>	<u>Phần mềm vi tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
01/01/2021	18.751.415.355	7.726.577.193	452.034.723	26.930.027.271
30/06/2021	18.751.415.355	7.726.577.193	452.034.723	26.930.027.271
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-		175.482.723	175.482.723
Giá trị hao mòn				
01/01/2021	-	2.294.558.117	361.428.597	2.655.986.714
Khấu hao trong kỳ	-	99.058.680	15.370.002	114.428.682
30/06/2021	-	2.393.616.797	376.798.599	2.770.415.396
Giá trị còn lại				
01/01/2021	18.751.415.355	5.432.019.076	90.606.126	24.274.040.557
30/06/2021	18.751.415.355	5.332.960.396	75.236.124	24.159.611.875

(*) Chi tiết:

	<u>Diện tích (m2)</u>	<u>Số tiền</u>
Quyền sử dụng đất lâu dài		
Thửa đất số 174, 180, 181, 182 tại lô số 174-180-181-182, khu 10, khu đô thị mới Vĩnh Hòa, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	1.062,40	18.751.415.355
Quyền sử dụng đất có thời hạn		
Thửa đất số 338 tại Lô A-8 đường N5, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh	8.940,30	7.726.577.193
Cộng		26.477.992.548

5.12 Lợi thế thương mại

	<u>Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)</u>
Số đầu kỳ	5.340.448.040	6.230.522.713
Tăng trong năm trước	-	-
Phân bổ trong kỳ	(445.037.337)	(445.037.337)
Số cuối kỳ	4.895.410.703	5.785.485.376

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các nhà cung cấp là bên thứ ba	277.723.112.921	277.723.112.921	111.993.159.153	111.993.159.153
- Công ty Moorim P&P Co., LTD Korea	50.694.764.489	50.694.764.489	15.172.482.314	15.172.482.314
- Công ty NP International (S) Pte Ltd Japan	48.866.696.543	48.866.696.543	-	-
- Công ty Gold East Trading (Hong Kong)	42.412.108.426	42.412.108.426	24.552.599.651	24.552.599.651
- Công ty Thai paper Co., LTD Thailand	29.043.857.843	29.043.857.843	-	-
- Công ty Hokuetsu Corporation Japan	19.482.325.485	19.482.325.485	-	-
- Công ty NP International (S) Pte Ltd Singapore	16.224.697.455	16.224.697.455	30.386.411.517	30.386.411.517
- Công ty Pearson Education South Asia Pte Co., Ltd	3.787.693.863	3.787.693.863	3.765.104.326	3.765.104.326
- Các nhà cung cấp khác	67.210.968.817	67.210.968.817	38.116.561.345	38.116.561.345
Cộng	277.723.112.921	277.723.112.921	111.993.159.153	111.993.159.153

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Khách hàng là bên thứ ba	60.807.350.666	11.466.048.068
- Công ty Cổ phần In Tổng hợp Cần Thơ	51.791.791.666	11.296.239.375
- Công ty Cổ phần Văn hóa Văn Lang	4.031.882.938	-
- Công ty TNHH An Hào	3.787.929.852	-
- Các khách hàng khác	1.195.746.210	169.808.693
Cộng	60.807.350.666	11.466.048.068

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	1.344.466.854	1.344.466.854
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.112.623.800	10.112.623.800	6.961.144.021	6.961.144.021
- Thuế thu nhập cá nhân	89.761.524	89.761.524	134.791.810	134.791.810
- Thuế đất	-	-	1.503.134.080	1.503.134.080
Cộng	10.202.385.324	10.202.385.324	9.943.536.765	9.943.536.765

Quyết toán thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Kinh phí công đoàn	301.431.194	248.858.202
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	479.820.000	285.300.000
Phải trả khác	4.442.065.224	2.547.001.813
Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan	4.178.967.945	1.517.868.267
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	3.846.080.000	-
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	315.887.945	478.408.767
- Ông Bùi Quang Minh	17.000.000	1.039.459.500
Phải trả ngắn hạn khác các bên thứ ba	263.097.279	1.029.133.546
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây Sài Gòn	-	687.318.533
- Các khoản Phải trả ngắn hạn khác	263.097.279	341.815.013
Cộng	5.223.316.418	3.081.160.015

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	01/01/2021 (VND)	Tăng trong kỳ (VND)	Giảm trong kỳ (VND)	30/06/2021 (VND)
Vay ngân hàng	280.695.397.336	227.729.730.478	(314.476.673.852)	193.948.453.962
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây Sài Gòn ⁽ⁱ⁾	214.878.899.342	161.697.028.843	(248.660.175.858)	127.915.752.327
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin - Chi nhánh Hưng Đạo ⁽ⁱⁱ⁾	65.816.497.994	66.032.701.635	(65.816.497.994)	66.032.701.635
Cộng	280.695.397.336	227.729.730.478	(314.476.673.852)	193.948.453.962

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

- (i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/2317695/HĐTD ngày 30/06/2020 với hạn mức vay 550.000.000.000 đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung tại hợp đồng tín dụng số 001.01/2020/2317695/HĐTD ngày 01/07/2021 về thời hạn cấp hạn mức từ ngày hợp đồng đến ngày 31/08/2021, mức lãi suất 5,5%/năm). Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản tối thiểu 50% tổng dư nợ, bảo lãnh và phát hành L/C tại mọi thời điểm.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hưng Đạo theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số LD1819300589 ngày 18/07/2018 với hạn mức vay 38.261.000.000 đồng và hạn mức LC trả ngay là 3.000.000,00 USD và thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 210907480016 ngày 24/06/2021 với hạn mức vay 103.000.000.000 đồng và hạn mức LC trả ngay là 1.500.000,00 USD với mục đích bổ sung vốn kinh doanh, mức lãi suất 6,2%/năm. Thời hạn cấp hạn mức 1 năm kể từ ngày 24/06/2021. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản là Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ 444/86/5 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của ông Bùi Quang Mẫn - bà Nguyễn Thị Thu; hàng hóa là giấy các loại thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực - giấy nhập khẩu hoặc mua nội địa thanh toán trực tiếp qua Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hưng Đạo.

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	01/01/2021 (VND)	Tăng trong năm (VND)	Giảm trong năm (VND)	30/06/2021 (VND)
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ ⁽ⁱ⁾	7.715.000.000	21.600.000.000	(10.315.000.000)	19.000.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Văn hóa Thanh Trúc ⁽ⁱⁱ⁾	700.000.000	500.000.000	(1.200.000.000)	-
Cộng	8.415.000.000	22.100.000.000	(11.515.000.000)	19.000.000.000

- (i) Khoản vay Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ (tên cũ: Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Viễn Đông) theo Hợp đồng vay số 10/07/HĐVV/2019/GIẤY - TOÀN LỰC ngày 10/07/2019, mục đích phát triển kinh doanh. Thời hạn vay 24 tháng, từ ngày 10/07/2019 đến ngày 09/07/2021, lãi suất 7%/năm. Đây là khoản vay của bên liên quan.
- (ii) Hợp đồng vay vốn với Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Văn hóa Thanh Trúc số 01.2020/HĐVV ngày 12/10/2020, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 7%/năm.

5.18 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
Số đầu kỳ	3.023.393.423	1.494.378.423
Tăng do trích lập lợi nhuận trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	(214.550.000)	(30.135.000)
Số cuối kỳ	2.808.843.423	1.464.243.423

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5.19 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Vốn khác của chủ sở hữu (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu (VND)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND)	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát (VND)	Cộng (VND)
01/01/2020	280.739.390.000	3.254.265.000	2.967.606.986	15.324.659.007	105.844.658	93.536.625.176	83.818.390.057	479.746.780.884
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	21.170.090.565	18.656.653.874	39.826.744.439
Chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm trước	28.061.310.000	-	-	-	-	(28.061.310.000)	-	-
Công ty con tăng vốn	-	-	-	-	-	-	28.206.200.000	28.206.200.000
Công ty con chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(28.206.200.000)	(28.206.200.000)
Công ty con trích quỹ phúc lợi	-	-	-	-	-	(765.450.000)	(734.550.000)	(1.500.000.000)
Trích quỹ phúc lợi trong năm trước	-	-	-	-	-	(130.000.000)	-	(130.000.000)
31/12/2020	308.800.700.000	3.254.265.000	2.967.606.986	15.324.659.007	105.844.658	85.749.955.741	101.740.493.931	517.943.525.323
01/01/2021	308.800.700.000	3.254.265.000	2.967.606.986	15.324.659.007	105.844.658	85.749.955.741	101.740.493.931	517.943.525.323
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	13.397.937.261	18.742.067.747	32.140.005.008
Truy thu thuế (i)	-	-	-	(6.898.859.518)	-	-	-	(6.898.859.518)
Công ty con chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(5.265.157.100)	(5.265.157.100)
30/06/2021	308.800.700.000	3.254.265.000	2.967.606.986	8.425.799.489	105.844.658	99.147.893.002	115.217.404.578	537.919.513.713

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 07.21 QĐ/VID-HĐQT ngày 10 tháng 08 năm 2021 Công ty đã sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để chi nộp truy thu thuế năm 2015 và 2016 theo Quyết định số 994/QĐ-CT ngày 19 tháng 04 năm 2021 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế. Công ty sẽ báo cáo kết quả sử dụng Quỹ đầu tư phát triển đến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

Cổ phiếu

	30/06/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.880.070	30.880.070
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	30.880.070	30.880.070
- Cổ phiếu phổ thông	30.880.070	30.880.070
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.880.070	30.880.070
- Cổ phiếu phổ thông	30.880.070	30.880.070

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	308.800.700.000	280.739.390.000
Vốn góp đầu kỳ	308.800.700.000	280.739.390.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	308.800.700.000	280.739.390.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
Tổng doanh thu	491.220.049.989	469.513.047.321
- Doanh thu bán hàng hóa	361.220.196.948	397.030.747.464
- Doanh thu bán thành phẩm	126.207.604.730	66.858.147.152
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.792.248.311	5.624.152.705
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	491.220.049.989	469.513.047.321

Doanh thu đối với các bên liên quan

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn Hóa Tây Đô	3.619.046.433	6.500.459
- Công ty Cổ phần Thương Mại Toàn Lực	90.000.000	414.504.350
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	2.869.936.667	4.659.344.445
Cộng	6.578.983.100	5.080.349.254

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

6.2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
- Giá vốn hàng hóa	320.934.530.410	380.473.409.042
- Giá vốn thành phẩm	101.889.441.900	55.637.764.554
- Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	-	(14.523.569)
Cộng	422.823.972.310	436.096.650.027

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
- Lãi cho vay, lãi tiền gửi ⁽ⁱ⁾	3.696.443.115	2.500.069.444
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	4.622.624.000
- Lãi từ chuyển nhượng cổ phần	-	970.742.277
- Lãi chênh lệch tỷ giá	-	1.533
Cộng	3.696.443.115	8.093.437.254

⁽ⁱ⁾ *Lãi cho vay cho bên liên quan*

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	-	288.833.425
Cộng	-	288.833.425

6.4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
- Chi phí lãi vay	6.258.662.741	9.164.462.175
- Hoàn nhập/trích chi phí dự phòng	-	(8.080.181.092)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	53.374.986	612.507.502
Cộng	6.312.037.727	1.696.788.585

6.5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
- Chi phí nhân viên bán hàng	809.484.806	204.169.794
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.617.391.552	4.513.920.754
Cộng	6.426.876.358	4.718.090.548

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
- Chi phí nhân viên quản lý	5.766.905.347	4.959.063.936
- Chi phí đồ dùng, vật liệu quản lý	78.633.428	1.380.120.776
- Chi phí khấu hao TSCĐ	4.005.371.126	4.026.579.317
- Thuế, phí và lệ phí	1.801.724.375	28.168.569
- Hoàn nhập/trích chi phí dự phòng	-	3.134.691.256
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.199.445.383	5.025.529.464
- Chi phí bằng tiền khác	1.700.136.501	990.917.805
- Phân bổ lợi thế thương mại	445.037.337	445.037.337
Cộng	17.997.253.497	19.990.108.460

6.7. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
- Thu nhập từ thanh lý tài sản	118.181.818	-
- Thu bồi thường bảo hiểm	887.183.471	-
- Thu nhập khác	358.052.651	20.450.384
Cộng	1.363.417.940	20.450.384

6.8. Chi phí khác

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
- Phạt vi phạm hành chính	4.437.400.560	298.868.028
- Thu nhập khác	17.426.798	8.843.296
Cộng	4.454.827.358	307.711.324

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	99.893.464.766	55.912.791.396
- Chi phí nhân viên	5.221.552.818	4.862.866.888
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	78.633.428	1.380.120.776
- Chi phí khấu hao TSCĐ	4.005.371.126	4.026.579.317
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.820.546.159	9.539.450.218
- Chi phí bằng tiền khác	3.717.685.152	1.041.426.374
Cộng	122.737.253.449	76.763.234.969

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

6.10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
- Phát sinh tại công ty mẹ	-	572.203.556
- Phát sinh tại công ty con	9.568.137.506	2.414.712.993
Cộng	9.568.137.506	2.986.916.549

6.11. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	13.397.937.261	4.770.467.781
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.397.937.261	4.770.467.781
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.880.070	28.073.939
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	434	170

b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	13.397.937.261	4.770.467.781
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	13.397.937.261	4.770.467.781
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	30.880.070	28.073.939
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (*)	4.632.010	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	377	170

(*) Xem chi tiết tại thuyết minh số 8.2 "Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính".

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

7.1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
Cổ tức chưa thu được bằng tiền	-	4.219.433.512
Lãi tiền gửi ngân hàng chưa thu	1.490.862.685	30.224.658
Lãi cho vay chưa thu	2.526.395.890	2.094.162.306
Lãi vay chưa trả	315.887.945	-
Mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác chưa thanh toán	54.320.591	210.281.221

8 THÔNG TIN KHÁC

8.1. Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và các thông tin tài chính khác: không có

8.2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 số 01.21 NQ/VID -ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021 về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03.21 QĐ/MID-HDQT ngày 26/05/2021 về thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020. Cụ thể số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành là 4.632.010 cổ phiếu tương ứng 46.320.100.000 đồng. Thời hạn triển khai phát hành cổ phiếu dự kiến trong quý 3 năm 2021 sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (Ngày 30 tháng 06 năm 2021) cho đến thời điểm lập Báo cáo này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

8.3. Tính hoạt động liên tục của Nhóm Công ty

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Nhóm Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

8.4. Thông tin về các bên có liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
Lương và thưởng Tổng Giám đốc	141.340.000	215.078.846
Lương và thưởng Phó Tổng Giám đốc	131.527.742	229.330.176
Thù lao và thưởng Chủ tịch Hội đồng Quản trị	160.500.000	-
Thù lao và thưởng Thành viên Hội đồng Quản trị	102.000.000	-
Thù lao và thưởng Trưởng Ban kiểm soát	21.000.000	-
Thù lao và thưởng Thành viên Ban kiểm soát	27.000.000	-
Cộng	583.367.742	444.409.022

Trong kỳ tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
Bùi Quang Minh		
Mượn tiền	462.000.000	4.192.000.000
Trả tiền mượn	1.484.459.500	4.550.400.000

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, công nợ với các thành viên chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	30/06/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Phải trả khác	17.000.000	1.039.459.500
Bùi Quang Minh	17.000.000	1.039.459.500
Cộng nợ phải trả	17.000.000	1.039.459.500

Các bên liên quan khác

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong kỳ tài chính và tại ngày kết thúc kỳ tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
- Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
- Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

Trong kỳ tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	3.619.046.433	6.500.459
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	90.000.000	414.504.350
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	2.869.936.667	4.659.344.445
Mua hàng hóa		
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	-	159.529.400
Cho vay		
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	-	21.255.000.000
Cho mượn		
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	5.300.000.000	-
Lãi cho vay		
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	-	288.833.425
Vay		
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	21.600.000.000	1.000.000.000
Lãi vay		
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	315.887.945	-
Cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng	-	4.219.424.000
Phải trả khác		
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	3.846.080.000	-
Số dư với các bên liên quan:		
Vào ngày kết thúc kỳ tài chính, các khoản phải thu, phải trả của Nhóm Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:		
	30/06/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Phải thu tiền hàng		
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	29.468.445.806	29.468.445.806
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	-	2.464.715.414
Ứng trước tiền hàng		
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực	6.527.395.948	6.527.395.948
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt	1.624.148.800	1.624.148.800
Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	5.300.000.000	-
Cộng nợ phải thu	42.919.990.554	40.084.705.968

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

Phải trả tiền vay		
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	19.000.000.000	7.715.000.000
Phải trả tiền lãi vay		
Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ	315.887.945	478.408.767
Phải trả khác		
Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông	3.846.080.000	-
Cộng nợ phải trả	23.161.967.945	8.193.408.767

8.5. Công cụ tài chính

Nhóm Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Hội đồng Quản trị thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Nhóm Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Nhóm Công ty.

Hội đồng Quản trị xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Nhóm Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Nhóm Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Nhóm Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Nhóm Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

Nhóm Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Nhóm Công ty theo chính sách của Nhóm Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Nhóm Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Nhóm Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Nhóm Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng Quản trị cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm (VND)	Từ 1 năm trở lên (VND)	Tổng cộng (VND)
30/06/2021			
<i>Giá trị ghi sổ:</i>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.741.161.966	-	63.741.161.966
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	68.298.807.671	-	68.298.807.671
Phải thu khách hàng	211.295.711.006	-	211.295.711.006
Các khoản phải thu khác	14.707.384.862	-	14.707.384.862
Phải thu về cho vay	13.674.000.000	105.250.000.000	118.924.000.000
<i>Trừ:</i>			
Dự phòng	(50.192.848.918)	-	(50.192.848.918)
Tổng cộng	321.524.216.587	105.250.000.000	426.774.216.587
30/06/2021			
Phải trả cho người bán	277.723.112.921	-	277.723.112.921
Phải trả khác	5.223.316.418	-	5.223.316.418
Vay và nợ thuê tài chính	193.948.453.962	19.000.000.000	212.948.453.962
Tổng cộng	476.894.883.301	19.000.000.000	495.894.883.301
Chênh lệch thanh khoản thuần	(155.370.666.714)	86.250.000.000	(69.120.666.714)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

	Dưới 1 năm (VND)	Từ 1 năm trở lên (VND)	Tổng cộng (VND)
01/01/2021			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	50.979.960.339	-	50.979.960.339
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	65.798.807.671	-	65.798.807.671
Phải thu khách hàng	221.570.177.487	-	221.570.177.487
Các khoản phải thu khác	14.637.307.447	-	14.637.307.447
Phải thu về cho vay	-	97.740.000.000	97.740.000.000
Trừ:			
Dự phòng	(50.192.848.918)	-	(50.192.848.918)
Tổng cộng	302.793.404.026	97.740.000.000	400.533.404.026
01/01/2021			
Phải trả cho người bán	111.993.159.153	-	111.993.159.153
Phải trả khác	3.081.160.015	-	3.081.160.015
Vay và nợ thuê tài chính	280.695.397.336	8.415.000.000	289.110.397.336
Tổng cộng	395.769.716.504	8.415.000.000	404.184.716.504
Chênh lệch thanh khoản thuần	(92.976.312.478)	89.325.000.000	(3.651.312.478)

Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Nhóm Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng

	Giá trị kế toán		Giá trị hợp lý	
	30/06/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)	30/06/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.741.161.966	50.979.960.339	63.741.161.966	50.979.960.339
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	68.298.807.671	65.798.807.671	68.298.807.671	65.798.807.671
Phải thu khách hàng	211.295.711.006	221.570.177.487	161.232.862.088	171.507.328.569
Các khoản phải thu khác	14.707.384.862	14.637.307.447	14.577.384.862	14.507.307.447
Phải thu về cho vay	118.924.000.000	97.740.000.000	118.924.000.000	97.740.000.000
Tổng cộng	476.967.065.505	450.726.252.944	426.774.216.587	400.533.404.026
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	277.723.112.921	111.993.159.153	277.723.112.921	111.993.159.153
Phải trả khác	5.223.316.418	3.081.160.015	5.223.316.418	3.081.160.015
Vay và nợ thuê tài chính	212.948.453.962	289.110.397.336	212.948.453.962	289.110.397.336
Tổng cộng	495.894.883.301	404.184.716.504	495.894.883.301	404.184.716.504

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2021 và ngày 01/01/2021. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

8.6. Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 đã được soát xét và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 của Nhóm Công ty đã được kiểm toán.

8.7. Thông tin về bộ phận

Nhóm Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: lĩnh vực thương mại - bán hàng hóa và thành phẩm. Chi tiết báo cáo bộ phận theo từng ngành nghề như sau:

	Bán hàng hóa, thành phẩm (VND)	Dịch vụ (VND)	Cộng (VND)
Doanh thu thuần theo bộ phận	487.427.801.678	3.792.248.311	491.220.049.989
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(422.823.972.310)	-	(422.823.972.310)
Lợi nhuận gộp theo bộ phận	64.603.829.368	3.792.248.311	68.396.077.679
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(24.424.129.855)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			43.971.947.824
Doanh thu tài chính			3.696.443.115
Chi phí tài chính			(6.312.037.727)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			3.443.198.720
Thu nhập khác			1.363.417.940
Chi phí khác			(4.454.827.358)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(9.568.137.506)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			32.140.005.008

Ngày 12 tháng 08 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Thùy Tiên

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thùy Tiên

TỔNG GIÁM ĐỐC



Bùi Quang Minh